

**Chứng nhận hưởng trợ cấp 20**  
Unterhaltserklärung für das Kalenderjahr 20 \_\_

<b>Ông/Bà</b> Herr/Frau	<b>Tên</b> Vorname	<b>Họ</b> Familienname	
<b>Thường trú tại Đức</b> wohnhaft in Deutschland	<b>Đường phố</b> Straße	<b>Mã số bưu điện</b> Postleitzahl	<b>Địa danh</b> Wohnort

đề đơn xin miễn đóng thuế số tiền trợ cấp cho các thân nhân sau đây:  
hat beantragt, Unterstützungsleistungen an folgende Person steuermindernd anzuerkennen:

<b><u>Người nhận trợ cấp</u></b> Unterstützte Person <b>A. Lý lịch</b> A. Persönliche Angaben				
<b>Họ và tên</b> Vor- undFamilienname				
<b>Ngày tháng năm sinh</b> Geburtsdatum				
<b>Nơi sinh</b> Geburtsort				
<b>Nơi thường trú</b> Wohnort				
<b>Quan hệ với người đề đơn/chồng vợ</b> Verwandtschaftsverhältnis zum Antragsteller/Ehegatten				
<b>Tình trạng gia đình</b> (Đánh dấu vào ô thích hợp) Familienstand (Zutreffendes bitte ankreuzen)	độc thân ledig	có gia đình verheiratet	góa bụa verwitwet	ly dị geschieden
<b>Nghề nghiệp</b> (Điền/đánh dấu vào ô thích hợp) Berufliche Tätigkeit (Zutreffendes bitte eintragen bzw. ankreuzen)	Tên nghề nghiệp Art der Tätigkeit	đều đặn regelmäßige	đôi khi gelegentliche	không có keine
<b>Những người khác cùng sống trong hộ</b> Weitere im Haushalt lebende Personen				

<b>Xác nhận của chính quyền địa phương/cơ quan đăng ký cư trú:</b> Bestätigung der ausländischen Gemeinde-/Meldebehörde:
Các chi tiết bên trên về người nhận trợ cấp hoàn toàn đúng với các dữ liệu của chúng tôi. Die vorstehenden Angaben zu der unterstützten Person entsprechen nach unseren Unterlagen der Wahrheit.
Ký tên và đóng dấu Dienstsigel und Unterschrift
_____ (Địa danh, ngày tháng năm) (Ort, Datum)

**B. Tình trạng kinh tế của người nhận trợ cấp**  
B. Wirtschaftliche Verhältnisse der unterstützten Person

**I. Thu nhập/Chi phí**  
I. Einnahmen/Ausgaben

Là người nhận trợ cấp, tôi có các thu nhập và chi phí như sau trong năm 20\_\_\_\_  
Als unterstützte Person hatte ich im Jahr 20\_\_\_\_ folgende Einnahmen und Ausgaben:

Nguồn gốc: aus:	Thu nhập (tính theo nội tệ Đồng) Einnahmen (in Landeswährung)	Chi phí (tính theo nội tệ Đồng) Ausgaben (in Landeswährung)
Tiền lương Arbeitslohn		
Tiền hưu trí Rente/Pension		
Nông nghiệp Landwirtschaft		
Thương mại/Nghề tự do Gewerbebetrieb/selbständiger		
Thu nhập cho thuê/mướn Vermietung und Verpachtung		
Các thu nhập khác (ví dụ tiền lãi, v.v.) Andere Einnahmen (z.B. Zinsen, etc)		
Các trợ cấp xã hội Sozialleistungen		

**Quan trọng:**

Tất cả các chi tiết nêu trên phải kèm theo các văn bản chứng minh, ví dụ:  
giấy báo thuế, bảng lương hưu, giấy cấp tiền xã hội của bộ xã hội, tiền thất nghiệp của sở lao động (nếu không có:  
(Giấy chứng nhận không lãnh tiền của cơ quan nêu trên)

Hinweis:

Die vorstehenden Angaben sind z.B. durch folgende Unterlagen nachzuweisen:  
Steuerbescheid, Rentenbescheid, Bescheid der zuständigen Arbeits- oder Sozialbehörde über  
erhaltene Sozialleistungen des Staates (bzw. bei Nichterhalt: Negativbescheinigung der Behörde)

**II. Tài sản**  
II. Vermögen

Là người nhận trợ cấp, tôi có các tài sản như sau trong năm 20\_\_\_\_  
Als unterstützte Person hatte ich im Jahr 20\_\_\_\_ folgendes Vermögen:

Loại tài sản Art des Vermögens	Giải thích Erläuterungen	Trị giá nội tệ Wert in Landeswährung
Trị giá toàn bộ tài sản Gesamtwert des Vermögens		
Trong đó bao gồm: Davon entfallen auf:		
Đất đai Grundbesitz Nhà tư Eigenes Haus Nông nghiệp Landwirtschaft Các bất động sản khác Weiteren Grundbesitz		
Các tài sản khác (ví dụ: tiền ngân hàng, bảo hiểm)  Sonstiges Vermögen (z.B. Bankguthaben, Versicherungen)		

Tài sản của tôi đủ để chi trả cuộc sống:

(Đánh dấu vào ô thích hợp)  
Mein Vermögen reicht zur Bestreitung des Unterhalts aus:  
(Zutreffendes bitte ankreuzen)

Đủ Ja	Không Nein
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

<b>C. Những chi tiết khác</b> C. Sonstige Angaben		
<b>1. Ông /Bà nhận trợ cấp lần đầu tiên vào thời gian nào?</b> 1. Wann wurden Sie erstmals unterstützt?	<b>Tháng</b> Monat	<b>Năm</b> Jahr
<b>2. Ai gọi và gọi trợ cấp bằng hình thức nào?</b> (Xin trình bày)  2. Wie und durch wen sind die Zahlungen erfolgt? (Bitte erläutern)		
<b>3. Trước kia, khi chưa nhận trợ cấp, Ông/Bà đã trang trải cuộc sống như thế nào?</b> (Xin trình bày) 3. Wie haben Sie Ihren Lebensunterhalt vor Beginn der Unterstützungsleistungen bestritten? (Bitte erläutern)		
<b>4. a) Ông/Bà có sống trong cùng một hộ với những người được nhận trợ cấp không?</b> (Đánh dấu vào ô thích hợp) 4. a) Leben Sie in einem Haushalt gemeinsam mit anderen unterstützten Personen? (Zutreffendes bitte ankreuzen)	<b>Có</b> Ja	<b>Không</b> Nein
<b>4. b) Nếu có, xin cho biết danh tánh và mối quan hệ với Ông/Bà.</b>  4. b) Falls ja, bitte Namen und Verwandtschaftsverhältnis angeben.		
<b>5. a) Ông/Bà còn nhận trợ cấp của người nào khác không?</b> (Đánh dấu vào ô thích hợp) 5. a) Tragen noch andere Personen zu Ihrem Unterhalt bei? (Zutreffendes bitte ankreuzen)	<b>Có</b> Ja	<b>Không</b> Nein
<b>5. b) Nếu có, xin cho biết danh tánh và địa chỉ của (những) người đó và số tiền trợ cấp.</b> 5. b) Falls ja, bitte Namen und Anschrift der Person/en und Höhe der Unterstützung angeben.		
<b>6. Tại sao Ông/Bà không/đôi khi đi làm?</b> (Xin trình bày, nếu Ông/Bà còn trong tuổi lao động)  6. Aus welchem Grund waren Sie nicht/nur gelegentlich berufstätig? (Bitte ggf. erläutern; jedoch nur auszufüllen, wenn Sie im arbeitsfähigen Alter sind)		

**D. Cam đoan**  
D. Versicherung

Tôi xin cam đoan rằng những điều khai báo trên là đúng sự thật, đúng với lương tâm và hiểu biết của tôi.  
Ich versichere, dass die vorstehenden Angaben wahrheitsgemäß sind und nach bestem Wissen und Gewissen gemacht wurden.

\_\_\_\_\_  
(Địa danh, ngày tháng năm)  
(Ort, Datum)

\_\_\_\_\_  
(Chữ ký của người nhận trợ cấp)  
(Unterschrift der unterstützten Person)

**Quan trọng:**

Những lời khai báo của người nhận trợ cấp được xem như là lời khai báo của người có trách nhiệm đóng thuế. Nếu lời khai không đúng sự thật có thể bị truy cứu hình sự hoặc phạt tiền.

Hinweis:

Die Angaben der unterhaltenen Person gelten als Angaben des Steuerpflichtigen. Unrichtige Angaben können zu straf- und bußgeldrechtlichen Konsequenzen führen.

**E. Ghi chú**  
E. Erläuterungen

1. Mỗi người nhận trợ cấp phải có một chứng nhận riêng và đính kèm theo hồ sơ khai thuế thu nhập.
1. Für jede unterstützte Person ist jeweils eine Bescheinigung auszustellen und als Anlage zur Einkommensteuererklärung einzureichen.
2. Giấy chứng nhận không xác minh quyền được trừ thuế. Tùy theo trường hợp, sở tài chính có thể yêu cầu thêm các chứng minh thư khác.
2. Die Vorlage der Bescheinigung begründet keinen Rechtsanspruch auf die beantragte Steuerermäßigung. Die Finanzämter können im Einzelfall weitere Nachweise verlangen.